

ĐA DẠNG NGUỒN TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC BRU-VÂN KIỀU Ở XÃ THƯỢNG TRẠCH, HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Trịnh Đình Khả^{1*}, Nguyễn Thị Thu Hiền², Lương Minh Ngọc³

¹Trường Đại học Khoa học – ĐH Thái Nguyên, ²Trường Đại học Nông Lâm - ĐH Thái Nguyên
³Hạt Kiểm Lâm huyện Bố Trạch – Quảng Bình

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được tiến hành nhằm đánh giá đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc ở xã Thượng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Các phương pháp sử dụng gồm có: thu thập mẫu vật, phỏng vấn, định tên loài, đánh giá tính đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc và đánh giá mức độ nguy cấp của các loài cây thuốc. Kết quả nghiên cứu bước đầu đã xác định được 52 loài cây thuốc thuộc 50 chi, 41 họ được cộng đồng dân tộc ở khu vực nghiên cứu sử dụng trong phòng và chữa bệnh cho người dân. Cây thuốc thuộc 5 dạng sống chính như: cây bụi, dây leo, thân thảo, cây gỗ nhỏ và cây gỗ lớn. Cây thường phân bố ở các dạng sinh cảnh như: sống ở rừng, sống ven sông ven suối, sống ở vườn, sống ở đồi. Trong các bộ phận được sử dụng làm thuốc thì rễ và lá được sử dụng nhiều nhất chiếm 25% - 44,23%. Đã điều tra được 14 nhóm bệnh sử dụng cây thuốc để chữa trị, trong đó có 3 nhóm bệnh chiếm tỷ lệ cao nhất là bệnh về khớp, bệnh đau lưng và thuốc bổ. Ba loài cây thuốc có nguy cơ bị tuyệt chủng đã được ghi nhận là: Đẳng sâm (*Conodopsis javanica* (Blume) Hook.f.), Sâm cau (*Curculigo orchioides* Gaertn) và Thiên niên kiện lá to (*Homalomena gigantea* Engl). Kết quả nghiên cứu là cơ sở khoa học trong việc bảo tồn các loài cây thuốc có nguy cơ bị tuyệt chủng tại đại phương.

Từ khóa: Sinh học, Cây thuốc, Đa dạng cây thuốc, Bru – Vân Kiều, Thượng Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình

Ngày nhận bài: 20/4/2019; Ngày hoàn thiện: 30/5/2019; Ngày đăng: 09/9/2019

DIVERSITY OF MEDICINAL PLANT RESOURCES USED IN BRU – VANKIEU ETHNIC COMMUNITY AT THUONG TRACH COMMUNE, BO TRACH DISTRICT, QUANG BINH PROVINCE

Trinh Dinh Kha^{1*}, Nguyen Thi Thu Hien², Luong Minh Ngoc³

¹University of Science – TNU, ²University of Forestry and Agriculture - TNU
³Bo Trach Forest Protection Department - Quang Binh province

ABSTRACT

This research was conducted to assess the diversity of medicinal plant resources in Thuong Trach commune, Bo Trach district, Quang Binh province. The methods used for collecting data collection were method of specimen collection, interview method, identification of the species name, method of medicinal plant resources diversity assessment, method of endangered medicinal plants level assessment. The results of research have identified initially 52 species of medicinal plants of 50 genera and 41 families which the ethnic minority communities have used for diseases prevention and treatment. There are five main life forms of the medicinal plants: shrub, vines, herbaceous, small wood trees and moderate wood trees. The trees distribution is often in many types of habitat: forests, along the riverside, gardens and hills. In the parts used as medicine, leaves and roots are most used accounting for from 25% to 44.23%. The results show that there are 14 groups of diseases which could be cured by the experience of using medicinal plants of Bru – Van Kieu ethnic in the study area, of which 3 groups of diseases occupy the highest rate: osteoarthritis, the back pain diseases and tonic. There are 3 endangered medicinal plants: *Conodopsis javanica* (Blume) Hook.f., *Curculigo orchioides* Gaertn, *Homalomena gigantea* Engl. The research results are scientific bases for conservation of endangered medicinal plant species in the local area.

Keywords: Biology, Medicinal plants, Diversity of medicinal plants, Thuong Trach commune, Bo Trach district, Quang Binh province

Received: 20/4/2019; Revised: 30/5/2019; Published: 09/9/2019

* Corresponding author. Email: khatd@tms.edu.vn

1. Giới thiệu

Bằng kinh nghiệm dân gian của những người làm thuốc trong mỗi dân tộc, những tri thức về cây thuốc được truyền miệng và lưu truyền cho con cháu đời sau từ thế hệ này qua thế hệ khác. Trải qua thời gian, các bài thuốc có tính độc đáo và trở nên thông dụng trong việc chăm sóc sức khỏe người dân trong mỗi cộng đồng và những dân tộc xung quanh. Vì vậy, đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về cây thuốc cũng như tri thức y học dân gian đã được thực hiện và mang lại giá trị khoa học và thực tiễn [1], [2], [3], [4]. Tuy nhiên, hiện nay nhiều loài cây thuốc quý phân bố chủ yếu ở miền núi, đang có nguy cơ bị tàn phá dẫn đến tuyệt chủng do lạm dụng khai thác quá nhiều và vấn đề bảo tồn cây thuốc còn gặp rất nhiều khó khăn do nhiều nguyên nhân khác nhau như: chiến tranh, quá trình đô thị hóa hay tác động của kinh tế thị trường... sự suy giảm nguồn tài nguyên cây thuốc là không thể tránh khỏi. Cùng với đó, những tri thức dân gian của các dân tộc dùng để chữa trị bệnh cũng đang bị mất dần, những ông lang, bà mẹ đã già và mất đi, họ mang theo cả những kiến thức về cây thuốc và những bài thuốc hay. Thế hệ trẻ ít người tiếp thu những kiến thức mang tính bản địa mà học theo những cái mới, cái hiện đại đã khiến cho những cây thuốc quý, bài thuốc hay bị quên lãng. Do đó cần phải có những biện pháp tiến hành điều tra, tư liệu hóa thực trạng sử dụng cây thuốc của các dân tộc và tri thức bản địa về cây cỏ làm thuốc để xây dựng các giải pháp quản lý, bảo tồn nguồn tài nguyên cây thuốc và bảo tồn những tri thức y học dân tộc.

Quảng Bình là tỉnh có địa hình hẹp và dốc từ phía Tây sang phía Đông, 85% tổng diện tích tự nhiên là đồi núi, toàn bộ diện tích được chia thành các vùng sinh thái cơ bản: vùng núi cao, vùng đồi và trung du, vùng đồng bằng, vùng cát ven biển. Là một vùng đất giàu tài nguyên, khí hậu nhiệt đới gió mùa, có thảm thực vật rất đa dạng, phong phú đặc biệt có Vườn Quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng được

Unesco công nhận là di sản thiên nhiên Thế giới. Quảng Bình có hai dân tộc thiểu số chiếm tỉ lệ lớn là dân tộc Bru - Vân Kiều và dân tộc Chứt, với 5607 hộ, 24499 nhân khẩu, chiếm khoảng 2,3% dân số của tỉnh. Trong đó dân tộc Bru - Vân Kiều có 4 tộc người: Vân Kiều, Khùa, Ma Coong, Tri; dân tộc Chứt gồm 5 tộc người: Sách, Mày, Rục, A Rem, Mã Liềng. Trong quá trình sinh tồn và phát triển, đồng bào các dân tộc thiểu số Quảng Bình đã cố gắng sáng tạo và gìn giữ rất nhiều giá trị văn hoá vật chất, tinh thần độc đáo, đồng thời cũng đóng góp nhiều công sức, xương máu trong công cuộc bảo vệ và xây dựng bản làng, quê hương. Đặc biệt mỗi dân tộc mang bản sắc và kinh nghiệm chữa bệnh bằng thực vật làm thuốc rất đa dạng và phong phú từ bao đời nay. Trong đó, cộng đồng dân tộc Bru - Vân Kiều ở xã Thượng Trạch, huyện Bố Trạch có rất nhiều kinh nghiệm độc đáo về việc chữa bệnh bằng cây thuốc. Tuy nhiên, hiện nay nguồn tài nguyên cây thuốc ngày càng bị suy giảm do tình trạng khai thác, mua bán diễn ra một cách phức tạp, diện tích rừng ngày càng bị thu hẹp... Mặt khác những bài thuốc được cộng đồng các dân tộc ở đây sử dụng từ lâu đời trong việc phòng và chữa trị một số bệnh nhưng hoạt tính sinh học và cơ sở khoa học của các bài thuốc chưa được nghiên cứu, chứng minh bằng con đường khoa học.

Xuất phát từ thực tiễn trên chúng tôi thực hiện nghiên cứu "*Đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc được sử dụng trong cộng đồng dân tộc Bru - Vân Kiều ở xã Thượng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình*".

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập mẫu vật: Mẫu thực vật được thu thập theo phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn năm 1997 [5].

Phương pháp phỏng vấn: Tại khu vực nghiên cứu, phỏng vấn các ông lang, bà mẹ, người dân có kinh nghiệm sử dụng cây thuốc và sử dụng các bài thuốc gia truyền của cộng đồng dân tộc tại địa bàn nghiên cứu. Mẫu phiếu điều tra dựa theo phiếu điều tra cây thuốc

trong cộng đồng và phiếu điều tra bài thuốc dân gian của Viện Dược liệu [6]. Tiến hành thu thập đầy đủ các thông tin cây thuốc gồm: Tên phổ thông, tên dân tộc; số hiệu mẫu; dạng sống; môi trường sống; bộ phận sử dụng làm thuốc (thân, rễ, hoa, quả, hạt...); công dụng của nguồn tài nguyên cây thuốc.

Định danh tên loài: Định danh loài cây theo 2 bước chính như sau: (i) định danh tại thực địa; (ii) sử dụng kiến thức kinh nghiệm của các chuyên gia và nguồn tài liệu tin cậy đã công bố giám định lại, gồm: các khóa định loại, các bản mô tả trong tài liệu Cây cỏ Việt Nam [7], Từ điển cây thuốc Việt Nam [8], Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam [9], Danh lục các loài thực vật Việt Nam [10].

Phương pháp đánh giá tính đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc: Dựa trên phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn trong các phương pháp nghiên cứu thực vật [11].

Phương pháp đánh giá mức độ nguy cấp của các loài cây thuốc: xác định những cây thuốc thuộc diện cần bảo tồn ở khu vực nghiên cứu theo: Sách đỏ Việt Nam, phần thực vật [12], Nghị định 32/2006/NĐ-CP [13], Danh lục đỏ cây thuốc Việt Nam trong Cẩm nang cây thuốc cần được bảo vệ ở Việt Nam [14].

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Đa dạng các bậc taxon nguồn tài nguyên cây thuốc

Bảng 1. Số loài cây thuốc được cộng đồng dân tộc Bru – Vân Kiều sử dụng ở khu vực nghiên cứu

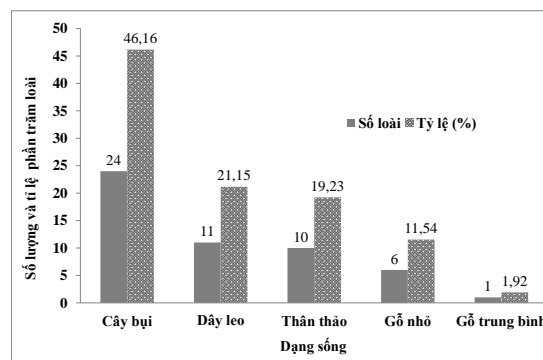
Ngành thực vật		Số họ	Số chi	Số loài
Ngành Ngọc lan (Magnoliophyta)				
Lớp Hai lá mầm (Dicotyledones)		30	39	39
Lớp Một lá mầm (Monocotyledones)		11	11	13
Tổng số		41	50	52

Bằng kinh nghiệm sử dụng cây thuốc, cộng đồng dân tộc Bru – Vân Kiều đã tìm ra và biết sử dụng các loài cây thuốc thuộc ngành Ngọc lan để chữa trị bệnh cho người dân, cụ thể cộng đồng dân tộc Bru – Vân Kiều đã xác định được 52 loài cây thuốc thuộc 50 chi, 41 họ có thể dùng làm thuốc tại Bảng 1.

Từ dữ liệu trên cho thấy, lớp Hai lá mầm (Dicotyledones) có số họ, chi, loài được dùng làm thuốc chiếm ưu thế hơn so với lớp Một lá mầm. Cụ thể, lớp Hai lá mầm có 39 loài (chiếm 75%), 39 chi (chiếm 78%) và 30 họ (chiếm 73,17%) và những loài có giá trị dược liệu cao có thể kể đến như: *Huperzia squarrosa* L. (Thông đất) – có tác dụng chữa đau đầu và rối loạn tiền đình, *Knema corticosa* Lour - có tác dụng bổ máu,... Lớp Một lá mầm (Monocotyledones) có 13 loài (chiếm 8,55%), 11 chi (chiếm 22%) và 11 họ (chiếm 26,83%), tuy chiếm tỷ lệ không lớn nhưng lớp này cũng có một số cây có giá trị như: *Pleomele cochinchinensis* Merr (Huyết giác, Xông còn) – có tác dụng chữa bong gân, xương khớp, *Anoecilus roxburghii* L. (Lan kim tuyến) - có tác dụng bồi bổ sức khỏe, *Amomum villosum* Lour (Sa nhân, Ma nen) – có tác dụng chữa đau lưng,...

3.2. Đa dạng về dạng sống của nguồn tài nguyên cây thuốc

Sự đa dạng về dạng sống của các loài thực vật làm thuốc tại khu vực nghiên cứu được thể hiện tại Hình 1.



Hình 1. Đa dạng về dạng sống nguồn cây thuốc được sử dụng

Hình 1 cho thấy, phần lớn các cây thuốc cộng đồng dân tộc Bru – Vân Kiều sử dụng là dạng cây bụi với 24/52 loài (chiếm 46,16%) và tập trung chủ yếu trong họ Cúc (Asteraceae), họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)...; tiếp đó là dạng cây dây leo với 11/52 loài (chiếm 21,15%), dạng cây này tập trung chủ yếu trong các loài thuộc họ Tiết dê (Menispermaceae) được

dùng để chữa các bệnh mất ngủ, đau lưng..., ngoài ra còn có một số loài trong họ Ban (Hypericaceae) dùng để chữa hen suyễn; đứng thứ ba là dạng cây thân thảo với 10/52 loài (chiếm 19,23%), gồm các loài thuộc lớp Hai lá mầm, đại diện là họ Chuông (Campanulaceae), họ Rau răm (Polygonaceae), họ Cà phê (Rubiaceae)...; dạng cây gỗ nhỏ có 6/52 loài (chiếm 11,54%) so với tổng số loài cây thuốc và chiếm tỉ lệ thấp nhất là dạng gỗ trung bình có 1/52 loài (chiếm 1,92%) thuộc họ Re (Lauraceae) được dùng để chữa bệnh cảm cúm, đây cũng là loại cây chiếm tỷ lệ thấp nhất.

3.3. Đa dạng về môi trường sống của nguồn tài nguyên cây thuốc

Kết quả đánh giá môi trường sống loài cây thuốc cho thấy mỗi loài cây thuốc có đặc điểm phân bố theo môi trường sống phong phú và phức tạp. Có những cây sống ở vùng núi cao, vùng núi thấp hay trong rừng... Ngoài ra có những cây sống ở vách núi đá, hốc đá ẩm hay sống nhờ trên cây khác... Một số khác thì sống ở gần khe suối, ruộng ẩm, nương rẫy, ven đường đi...

Với môi trường sống của nguồn cây thuốc ở khu vực nghiên cứu, chúng tôi phân theo 4 nhóm môi trường sống chính được ghi tại Bảng 2.

Bảng 2. Sự phân bố nguồn cây thuốc theo môi trường sống ở khu vực nghiên cứu

STT	Môi trường sống	Số loài	Tỷ lệ %
1	Sống ở rừng	31	59,61
2	Sống ở vườn	9	17,31
3	Sống ở ven suối, ven sông	9	17,31
4	Sống ở đồi	3	5,77

Qua dẫn liệu trên cho thấy, môi trường sống của các loài cây thuốc ở khu vực nghiên cứu rất đa dạng và phong phú, trong đó cây phân bố ở môi trường rừng là chiếm tỷ lệ cao nhất đạt 59,61% (với 31 loài), đứng thứ hai là môi trường sống ở vườn và ven sông – suối đều chiếm tỷ lệ 17,31% (với 9 loài). Điều này cho thấy rằng, người dân ở khu vực nghiên cứu có những hiểu biết và kiến thức về giá trị cũng

như kinh nghiệm sử dụng cây thuốc trong chữa trị bệnh, tuy nhiên ý thức nhân rộng mô hình bảo tồn cây thuốc ở môi trường vườn vẫn chưa cao.

3.4. Đa dạng về bộ phận sử dụng của nguồn tài nguyên cây thuốc

Việc tìm hiểu về các bộ phận của cây để làm thuốc là một việc làm rất quan trọng quyết định đến hiệu quả của bài thuốc. Trong việc sử dụng cây thuốc theo kinh nghiệm dân gian thì các bộ phận của cây thuốc được dùng để chữa các bệnh khác nhau tùy theo cách vận dụng ở các bài thuốc của các ông lang, bà mế. Dựa vào kinh nghiệm, các ông lang bà mế người dân tộc Bru – Vân Kiều tại xã Thượng Trạch – Bố Trạch đã có những cách khai thác bộ phận sử dụng cây thuốc khác nhau áp dụng cho từng loài cây thuốc trong chữa trị bệnh cho bà con.

Kết quả điều tra đa dạng về sử dụng các bộ phận khác nhau của cây thuốc để chữa bệnh của cộng đồng dân tộc Bru – Vân Kiều tại khu vực nghiên cứu được thống kê tại Bảng 3.

Bảng 3. Đa dạng bộ phận cây được sử dụng làm thuốc trong cộng đồng dân tộc Bru-Vân Kiều

STT	Bộ phận sử dụng	Số loài	Tỷ lệ %
1	Rễ	23	44,23
2	Lá	13	25,00
3	Cả cây	5	9,62
4	Thân	4	7,69
5	Vỏ	3	5,77
6	Củ	2	3,85
7	Quả	2	3,85

Kết quả Bảng 3 cho thấy, bộ phận cây thuốc được sử dụng nhiều nhất là bộ phận rễ chiếm 44% (với 23 loài); đứng thứ hai là bộ phận lá với 25% (13 loài); tiếp đó là dùng cả cây chiếm 9,62% (5 loài cây thân thảo); sử dụng bộ phận thân và vỏ làm thuốc lần lượt chiếm tỷ lệ 8% và 6% và thấp nhất là bộ phận quả và củ đều chiếm 4% (với 2 loài cây).

Từ những dẫn liệu này có thể khẳng định rằng, ở khu vực nghiên cứu người dân Bru – Vân Kiều sử dụng bộ phận rễ và lá của cây thuốc rất phổ biến trong việc chữa trị bệnh.

Qua đây cũng thấy rằng, cần phải đẩy mạnh công tác gây trồng rộng rãi các loài cây thuốc sử dụng bộ phận rễ trong điều trị bệnh để qua đó giảm thiểu được sự suy giảm số lượng cây thuốc nghiêm trọng khi công tác chữa trị bệnh của bà con địa phương phát triển hơn. Đây cũng là một nhiệm vụ trong công tác bảo tồn và phát triển cây dược liệu nói chung, đặc biệt là với cây quý hiếm và có giá trị kinh tế cao.

3.6. Đa dạng về công dụng chữa bệnh của các loài cây thuốc

Trong kinh nghiệm dân gian, một số loài cây thuốc có thể có tác dụng với nhiều loại bệnh và cũng có khi phải sử dụng nhiều loài cây kết hợp với nhau mới chữa được một loại bệnh.

Kết quả điều tra về đa dạng công dụng chữa bệnh của các loài cây thuốc của cộng đồng dân tộc Bru - Vân Kiều ở khu vực nghiên cứu được ghi nhận tại Bảng 4.

Kết quả Bảng 4 cho thấy, cộng đồng dân tộc Bru - Vân Kiều ở khu vực nghiên cứu có thể sử dụng kiến thức và kinh nghiệm về cây thuốc để chữa trị được 14 nhóm bệnh khác nhau. Trong đó số lượng cây thuốc được người dân Bru - Vân Kiều sử dụng để chữa trị bệnh tập trung phần lớn vào 3 nhóm bệnh là: bệnh về khớp với 7 loài (chiếm 13,46%), chủ yếu là các loài trong họ Ráy (Araceae), họ Hành (Alliaceae), họ Bông (Malvaceae),..., trong đó có một số loài như *Homalonema occulta* (Lour) Schott (Thiên

niên kiện), *Pleomele cochinchinensis* Merr (Huyết giác), *Hibiscus sagittifolius* L. (Sâm bô),...; kế tiếp là nhóm dùng làm thuốc bổ có 6 loài cây (chiếm 11,54%) thuộc các họ: họ Lan (Orchidaceae), họ Chuông (Campanulaceae), họ Hoa mồm chó (Scrophulariaceae),..., một số loài như *Scoparia dulcis* L. (Cam thảo đất), *Anoecilus roxburghii* Hayata L. (Lan kim tuyến); đứng thứ ba là nhóm bệnh đau lưng với 5 loài (chiếm 9,62%), các loài này phân bố chủ yếu trong các họ: họ Gừng (Zingiberaceae), họ Tiết dê (Menispermaceae), họ Hành (Alliaceae),..., một số loài như *Asparagus cochinchinensis* (Lour.) Merr (Thiên môn), *Fibraurea recisa* Pierre (Hoàng đằng); nhóm bệnh chiếm tỷ lệ cây thuốc ít nhất là nhóm bệnh về răng với 1 loài (chiếm 1,92%) thuộc họ Cam (Rutaceae).

Ngoài ra, tổng số có 34 loài cây thuốc đã được người dân Bru - Vân Kiều sử dụng trong 11 nhóm bệnh khác để điều trị bệnh gồm: bệnh về dạ dày (đau bụng, tiêu chảy,...), bệnh do thời tiết (cảm cúm, nhức đầu,...), bệnh về tiêu hóa (tiêu chảy, táo bón,...), bệnh ngoài da (viêm da,...), bệnh đàn ông (liệt dương), bệnh về gan (viêm gan, xơ gan,...), bệnh về đường hô hấp (viêm họng, viêm phế quản,...), bệnh về thần kinh (an thần, thần kinh tọa,...), bệnh u (ung thư, u gan,...), bệnh phụ nữ, bệnh về răng miệng (đau răng, hôi miệng,...). Các nhóm bệnh này chiếm tỷ lệ từ 1,92% - 7,96%.

Bảng 4. Tỷ lệ số loài có công dụng chữa các nhóm bệnh cụ thể

STT	Nhóm bệnh chữa trị	Số loài	Tỷ lệ %
1	Bệnh về khớp (đau khớp, thấp khớp...)	7	13,46
2	Thuốc bổ (bổ thận, bổ gan...)	6	11,54
3	Bệnh đau lưng (đau lưng, mỏi lưng...)	5	9,62
4	Bệnh về dạ dày (đau bụng...)	4	7,69
5	Bệnh do thời tiết (cảm cúm, nhức đầu...)	4	7,69
6	Bệnh ngoài da (nước ăn chân...)	4	7,69
7	Bệnh về tiêu hóa (tiêu chảy, táo bón...)	4	7,69
8	Bệnh đàn ông (liệt dương...)	4	7,69
9	Bệnh về gan (viêm gan, xơ gan...)	3	5,77
10	Bệnh về đường hô hấp (viêm họng, viêm phế quản...)	3	5,77
11	Bệnh về thần kinh (an thần, thần kinh tọa...)	3	5,77
12	Bệnh u (ung thư, u gan...)	2	3,85
13	Bệnh phụ nữ (điều kinh, phụ khoa...)	2	3,85
14	Bệnh về răng miệng (đau răng, trắng răng, hôi miệng...)	1	1,92

Nhìn chung từ kết quả ở trên đã chứng minh được rằng: kinh nghiệm sử dụng cây thuốc cũng như phương pháp chữa trị bệnh từ nguồn cây thuốc của cộng đồng dân tộc Bru - Vân Kiều xã Thượng Trạch rất đa dạng và độc đáo.

Các loài cây thuốc có nguy cơ bị đe dọa

Kết quả điều tra nghiên cứu của công trình này đã xác định được các loài cây thuốc có nguy cơ bị đe dọa và cần bảo vệ tại Bảng 5.

Bảng 5. Danh mục cây thuốc cần bảo tồn ghi nhận ở xã Thượng Trạch

TT	Tên loài	Cấp quy định		
		SĐVN, 2007	32/2006/NĐ-CP	DLĐCT
1	Đẳng sâm - <i>Conodopsis javanica</i> (Blume) Hook.f.	VU.A1a,c,d+2c,d	IIA	EN.A3c,d
2	Sâm cau - <i>Curculigo orchioides</i> Gaertn			VU.A1a,c,d
3	Thiên niên kiện lá to - <i>Homalomena gigantea</i> Engl	VU.A1c,B1+2b,c		EN.A1c,d.B2a,b(ii,iii,v)

Ghi chú: SĐVN: Sách đỏ Việt Nam; 32/2006/NĐ-CP: Nghị định 32 của Chính phủ; DLĐCT: Danh lục đỏ cây thuốc; EN: Nguy cấp – Endangered; VU: Sắp nguy cấp – Vulnerable; IIA: Hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại

Dữ liệu bảng 5 cho thấy, khu vực nghiên cứu có 3 loài cây thuốc có nguy cơ bị đe dọa tuyệt chủng ở Việt Nam, thuộc 3 chi, 3 họ của một ngành thực vật bậc cao là ngành Ngọc lan (Magnoliophyta). Trong đó 1 loài có tên trong Nghị định 32/NĐ-CP năm 2006, 2 loài có tên trong Sách đỏ Việt Nam năm 2007 và 3 loài có tên trong Danh lục đỏ cây thuốc Việt Nam năm 2006. Cụ thể như sau:

- Cấp IIA – hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại theo Nghị định 32/NĐ-CP năm 2006, gồm có 1 loài: Đẳng sâm - *Conodopsis javanica* (Blume) Hook.f. thuộc họ Hoa chuông - Campanulaceae, được dùng để chữa dạ dày, bồi bổ sức khỏe.

- Cấp VU – sắp nguy cấp theo Sách đỏ Việt Nam năm 2007, gồm có 2 loài:

+ Thiên niên kiện lá to - *Homalomena gigantea* Engl thuộc họ Ráy - Araceae, được dùng để chữa bệnh về khớp.

+ Đẳng sâm - *Conodopsis javanica* (Blume) Hook.f.

- Cấp EN – nguy cấp theo Danh lục đỏ cây thuốc Việt Nam năm 2006, gồm có 3 loài:

+ Sâm cau - *Curculigo orchioides* Gaertn thuộc họ Tỏi voi lùn - Hypoxidaceae, có tác dụng chữa liệt dương.

+ Thiên niên kiện lá to - *Homalomena gigantea* Engl

+ Đẳng sâm - *Conodopsis javanica* (Blume) Hook.f.

Nhìn chung, tại xã Bồ Trạch có 3 loài cây thuốc diện đang bị đe dọa ở Việt Nam, đây đều là các loài cây thuốc có giá trị cao trong y dược cũng như giá trị về kinh tế. Do vậy cần phải nâng cao ý thức bảo vệ của người dân và ưu tiên trong bảo tồn nguồn gen quý hiếm để phục vụ cho công tác chữa bệnh lâu dài của người dân nơi đây.

Từ những kết quả nghiên cứu đã đạt được của công trình này sẽ là nguồn tài liệu quan trọng góp phần cung cấp cơ sở dữ liệu cho các Ban, Ngành chức năng của địa phương xây dựng các chiến lược, chính sách để bảo tồn và khai thác các loài thực vật làm thuốc này một cách có kế hoạch và bền vững, đặc biệt là các loài cây thuốc quý hiếm có nguy cơ bị suy giảm về số lượng. Ngoài ra kết quả của công trình còn là cơ sở khoa học cho các nghiên cứu tiếp theo về bảo tồn và phát triển bền vững các loài cây thuốc, các bài thuốc dân gian của cộng đồng dân tộc tại khu vực nghiên cứu nói riêng và ở Việt Nam nói chung.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu đã xác định được 52 loài thực vật bậc cao có mạch thuộc ngành Ngọc lan với 50 chi và 41 họ có công dụng làm thuốc. Trong đó, có 4 họ nhiều loài nhất là họ Thầu dầu (Euphorbiaceae) với 11 loài, họ Cúc (Asteraceae) với 8 loài, họ Hoa hồng (Rosaceae) với 4 loài, họ Cam quýt (Rutaceae) với 4 loài và chi Rubus (Rosaceae) là chi có nhiều loài được sử dụng nhất.

Dạng sống của cây thuốc được người Bru - Vân Kiều sử dụng nhiều nhất là cây bụi với 24 loài, cây dây leo với 11 loài, cây thân thảo có 10 loài, cây gỗ nhỏ có 6 loài và cây gỗ trung bình có 1 loài.

Nguồn cây thuốc được sử dụng nhiều nhất có môi trường từ rừng với 31 loài, tiếp đến ở vườn và ven sông, ven suối đều có 9 loài và ở đồi là 2 loài.

Các bộ phận được sử dụng làm thuốc của nguồn tài nguyên cây thuốc gồm: rễ có 23 loài, lá có 13 loài, cả cây có 5 loài, vỏ có 3 loài, quả có 2 loài, củ là 2 loài.

Đã xác định được 14 nhóm bệnh khác nhau được sử dụng cây thuốc để chữa trị ở khu vực nghiên cứu. Số lượng các loài cây thuốc được sử dụng khá phong phú, trong đó kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của người dân Bru - Vân Kiều tập trung nhiều nhất ở 3 nhóm chính là bệnh về khớp, thuốc bổ và bệnh đau lưng.

Số lượng cây thuốc thuộc diện cần bảo tồn có 3 loài, chiếm 5,77% tổng số loài cây thuốc thu được, bao gồm các loài: Đẳng sâm (*Conodopsis javanica* (Blume) Hook.f.), Sâm cau (*Curculigo orchioides* Gaertn), Thiên niên kiện lá to (*Homalomena gigantea* Engl).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Nguyễn Thị Thu Hiền, Trịnh Đình Khá, “Thực trạng sử dụng cây thuốc tại xã Chiềng

Đông, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp*, số 6/2018, tr. 92-99, 2008.

[2]. Nguyễn Thị Thu Hiền, Nông Thái Hòa, “Nghiên cứu đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc ở xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên”, *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, số 19/2018, tr. 144-149, 2018.

[3]. Lê Thị Hương, Hoàng Thanh Sơn, Nguyễn Tiên Cường, Đậu Bá Thìn, Nguyễn Xuân Trường, “Đa dạng cây thuốc ở xã Mường Lống, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An”, *Tạp chí khoa học Lâm nghiệp*, số 4/2017, tr. 10-15, 2017.

[4]. Nguyễn Thanh Nhân, Phạm Hồng Bang, Đỗ Ngọc Đài, “Các loài thực vật bị đe dọa tuyệt chủng và giá trị của chúng ở Vườn Quốc gia Pù Mát, tỉnh Nghệ An”, *Kỷ yếu Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 6*, tr.750-756, 2015.

[5]. Nguyễn Nghĩa Thìn, *Cẩm nang nghiên cứu đa dạng sinh vật*, Nxb Nông nghiệp, Hà nội, 1997.

[6]. Viện Dược liệu, *Tài nguyên cây thuốc Việt Nam*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 1993.

[7]. Phạm Hoàng Hộ, *Cây cỏ Việt Nam*, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 2001.

[8]. Võ Văn Chi, *Từ điển cây thuốc Việt Nam*, Nxb Hà Nội, tập 1-2, 2012.

[9]. Đỗ Tất Lợi, *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Nxb Hà Nội, 2005.

[10]. Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường - Đại học Quốc gia Hà Nội và Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật - Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, *Danh lục các loài thực vật Việt nam*, Nxb Nông nghiệp, Hà nội, tập 2-3, 2006.

[11]. Nguyễn Nghĩa Thìn, *Các phương pháp nghiên cứu thực vật*, Nxb Đại Học Quốc gia Hà Nội, 2007.

[12]. Bộ Khoa học và Công nghệ, *Sách đỏ Việt Nam, phần Thực vật*, Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, 2007.

[13]. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nghị định 32/2006/CP-NĐ về nghiêm cấm, hạn chế khai thác và sử dụng các loài động thực vật hoang dã, 2006.

[14]. Nguyễn Tập, *Cẩm nang cây thuốc cần bảo vệ ở Việt Nam*, Nxb. Mạng lưới lâm sản ngoài gỗ Việt Nam, Hà Nội, 2007.

